|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/QĐ-UBND | *Quảng Trị, ngày tháng năm 2024* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định diện tích giao đất, cho thuê đất để thực hiện**

**chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số**

**sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số …………/TT-STNMT ngày…….tháng…….năm 2024.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định diện tích giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với cá nhân là người dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Cá nhân là người dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã được giao đất lần đầu nhưng nay không còn đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất sản xuất kinh doanh hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất sản xuất kinh doanh so với hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định.

2. Tổ chức được giao trách nhiệm quản lý quỹ đất tại địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**Điều 3. Diện tích đất ở**

1. Trường hợp không còn đất ở:

- Giao tiếp đất ở: Không quá 200 m2 cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

- Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Không quá 200 m2 cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

2. Trường hợp thiếu đất ở:

Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất sang đất ở đối với đất có nguồn gốc được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận hoặc được thừa kế, tặng cho, nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Không quá 150 m2 cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

**Điều 4. Diện tích đất nông nghiệp**

1. Trường hợp không còn đất nông nghiệp:

- Giao tiếp đất nông nghiệp:

+ Đất trồng cây hàng năm: Không quá 0,2 ha cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

+ Đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất là rừng trồng: Không quá 1,0 ha cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

- Cho thuê đất phi nông nghiệp để sản xuất kinh doanh: Không quá 0,3 ha cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

2. Trường hợp thiếu đất nông nghiệp:

- Giao tiếp đất nông nghiệp:

+ Đất trồng cây hàng năm: Không quá 0,1 ha cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

+ Đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất là rừng trồng: Không quá 0,5 ha cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

- Cho thuê đất phi nông nghiệp để sản xuất kinh doanh: Không quá 0,2 ha cho các cá nhân trong thành viên hộ gia đình.

**Điều 5.****Điều khoản thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực sau kể từ ngày …..

Giao Ban Dân tộc chủ trì, phối hợp vớicác sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn tổ chức triển khai, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật trước ngày Luật Đất đai có hiệu lực thi hành, nhưng hiện nay không còn đất ở, đất sản xuất nông nghiệp; thiếu đất ở, đất sản xuất nông nghiệp so với hạn mức giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp hoặc đang sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp không đủ 50% theo hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai tại Quyết định này.

2. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai mà không chấp hành các quy định của Nhà nước, có hành vi chuyển nhượng, góp vốn, tặng cho, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất đã được Nhà nước giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, cho thuê đất không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh cho người khác (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 48 Luật Đất đai) thì Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi đất và không bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bên nhận chuyển nhượng, bên nhận góp vốn, bên nhận tặng cho, nhận thừa kế, nhận thế chấp quyền sử dụng đất.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***   * Chính phủ; * Bộ Tài nguyên và Môi trường; * Vụ Pháp chế - Bộ TN&MT; * Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp; * Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;   - TT: TU, HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;   * CT, các PCT UBND tỉnh; * Sở Tư pháp; * Như Điều 6;   - Lưu: VT, VP ĐĐBQH, HĐND & UBND tỉnh. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN CHỦ TỊCH**  **Võ văn Hưng** |